

Số: 243 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 16 tháng 11 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Kiên Giang thực hiện chương trình Chuyển đổi số” giai đoạn 2022-2025**

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia” đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 08/6/2022 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Kiên Giang thực hiện chương trình Chuyển đổi số” giai đoạn 2022-2025 với Chủ đề “Xây dựng Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số” (sau đây gọi tắt là phong trào thi đua) như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức, sự cần thiết, tính cấp bách của Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, phấn đấu đến năm 2025 thực hiện phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đảm bảo đạt các mục tiêu cơ bản theo Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 08/6/2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số của tỉnh; phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, các sáng kiến, kinh nghiệm hay trong phong trào thi đua nhằm tạo sự lan tỏa trong toàn tỉnh.



## 2. Yêu cầu

Phong trào thi đua phải được triển khai sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, cơ sở;

Các địa phương, doanh nghiệp phải coi việc thực hiện phong trào thi đua là nhiệm vụ quan trọng, luôn song hành trong chỉ đạo, điều hành các hoạt động của đơn vị; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, đẩy nhanh tiến trình Chuyển đổi số theo từng ngành, lĩnh vực địa phương, đơn vị;

Đề cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương, doanh nghiệp trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện phong trào; việc tổ chức thực hiện phong trào phải thường xuyên, liên tục, có đôn đốc, kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm, tổ chức sơ kết và tổng kết theo Kế hoạch.

## II. MỤC TIÊU CỦA PHONG TRÀO THI ĐUA

### 1. Mục tiêu chung

Thi đua phấn đấu đến năm 2025, tỉnh Kiên Giang cơ bản hoàn thiện mô hình Chính quyền số, hình thành xã hội số, kinh tế số; đô thị thông minh triển khai thành công tại các huyện, thành phố trong tỉnh, làm cơ sở để nhân rộng mô hình đến 100% các huyện trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ số làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.

### 2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2023

##### a) Về chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

- Tối thiểu 60% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần;

- Có tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp thực hiện đánh giá hài lòng khi yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính;

- Tối thiểu 10% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay;

- 100% dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương, thanh toán trực tuyến, cho phép thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật); được cung cấp qua nhiều kênh truy cập; tự động điền dữ liệu sẵn có của người dùng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm tăng sự tiện lợi và trải nghiệm người dùng;

- 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật. Trên 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc cấp huyện và 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo;

- 80% thủ tục hành chính được xử lý đúng hạn.

#### b) Về kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 12% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 8%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 8%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 60%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 35%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 1%;
- Tỷ trọng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 40%;
- Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 40% trên tổng các cơ sở giáo dục tỉnh Kiên Giang.

#### c) Về xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 75%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 70%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 60%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 70%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 60%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 40%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 20%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 80%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 60%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện

được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

### a) Về chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần;

- Có tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp thực hiện đánh giá hài lòng khi yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính;

- Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay;

- 100% dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương, thanh toán trực tuyến, cho phép thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật); được cung cấp qua nhiều kênh truy cập; tự động điền dữ liệu sẵn có của người dùng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm tăng sự tiện lợi và trải nghiệm người dùng;

- 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật. Trên 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh và cấp huyện và 80% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo;

- 100% thủ tục hành chính được xử lý đúng hạn.

### b) Về kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GRDP;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%;

- Tỷ trọng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 50%;

- Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 50% trên tổng các cơ sở giáo dục tỉnh Kiên Giang.

### c) Về xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

### III. NỘI DUNG THI ĐUA

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức phổ biến, triển khai, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của Chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;
2. Xây dựng các chương trình, kế hoạch và đẩy nhanh tiến trình Chuyển đổi số theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị; chủ động rà soát, tham mưu sửa đổi, xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho Chuyển đổi số, thúc đẩy Chính phủ số, khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào nền kinh tế số, phát triển xã hội số;
3. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về Chuyển đổi số, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, người dân và doanh nghiệp; tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình Chuyển đổi số của tỉnh;
4. Ưu tiên Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4), nâng cao chỉ số xếp hạng của tỉnh về Chuyển đổi số;



5. Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp hạ tầng thiết bị và ứng dụng đồng bộ, hiện đại, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và sự chuyển đổi của chính quyền điện tử;

6. Xây dựng và tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

7. Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu, phòng chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử, tạo niềm tin vào tiến trình Chuyển đổi số, hoạt động trên môi trường số;

8. Tích cực tổ chức các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, bám sát các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm thu hút, tập hợp sự tham gia, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh nhằm xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

#### **IV. ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN THI ĐUA, THỜI GIAN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

##### **1. Đối tượng thi đua**

a) Tập thể: Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh; UBND các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã; các doanh nghiệp, hợp tác xã; các cơ sở y tế; các trường học (gọi tắt là cơ quan, đơn vị); các hộ gia đình.

b) Cá nhân: Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, các cá nhân trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có đóng góp vì mục tiêu Chuyển đổi số của tỉnh.

##### **2. Hình thức khen thưởng**

###### **a) Khen thưởng hàng năm**

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Tặng thưởng cho các tập thể và cá nhân đóng góp kinh phí, cơ sở vật chất thực hiện mục tiêu Chuyển đổi số quy ra tiền đạt định mức theo quy định của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Các tập thể được UBND tỉnh đánh giá xuất sắc qua chấm điểm hàng năm về kết quả thực hiện chuyển đổi số và đạt các mục tiêu Chuyển đổi số theo Kế hoạch này.

###### **b) Khen thưởng sơ kết năm 2023**

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các tập thể, cá nhân góp phần hoàn thành mục tiêu Chuyển đổi số đến năm 2023.

- Trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thực hiện vượt trên 20% mục tiêu Chuyển đổi số đến năm 2023. Tập thể, cá



nhân có đóng góp trong công tác Chuyển đổi số của tỉnh theo quy định của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

c) Khen thưởng tổng kết năm 2025

- Tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các tập thể, cá nhân góp phần hoàn thành mục tiêu Chuyển đổi số đến năm 2025.

- Trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân góp phần hoàn thành vượt mức mục tiêu Chuyển đổi số đến năm 2025. Tập thể, cá nhân có đóng góp trong công tác Chuyển đổi số của tỉnh theo quy định của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

- Trình Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho các huyện hoàn thành mục tiêu Chuyển đổi số đến năm 2025 và là đơn vị tiêu biểu trong phong trào thi đua Chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ công nhận.

3. Tiêu chuẩn thi đua

3.1. Tiêu chuẩn chung

- Tập thể, cá nhân chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực Chuyển đổi số;

- Tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua;

- Tổ chức Đảng, đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với đơn vị có tổ chức Đảng);

- Tập thể, cá nhân không có sai phạm, vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

3.2. Tiêu chuẩn cụ thể

3.2.1. Khen cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

3.2.2. Khen thưởng cấp tỉnh

a) Đối với các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh

- Hoàn thành có chất lượng, đúng tiến độ các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuyển đổi số theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Kịp thời điều chỉnh các văn bản hướng dẫn và tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy thực hiện Chuyển đổi số;

- Có xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua "Thực hiện chương trình Chuyển đổi số" giai đoạn 2022-2025 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị;

- Thông tin, báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện chương trình Chuyển đổi số đảm bảo thời gian theo quy định;

- Hoàn thành đạt các mục tiêu cụ thể về Chính quyền số trong năm 2023 và 2025 theo Kế hoạch này.

b) Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Có xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua "Thực hiện chương trình Chuyển đổi số" giai đoạn 2022-2025 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng địa phương;

- Hoàn thành đạt các mục tiêu cụ thể về Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong năm 2023 và 2025 theo Kế hoạch này.

c) Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Hoàn thành đạt một số mục tiêu cụ thể về Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong năm 2023 và 2025 cụ thể:

- Có xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua "Thực hiện chương trình Chuyển đổi số" giai đoạn 2022-2025 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng địa phương;

- Đối với chính quyền số: Đạt tỷ lệ thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4); người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính; văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật; thủ tục hành chính được xử lý đúng hạn;

- Đối với kinh tế số: Áp dụng thanh toán kinh phí không dùng tiền mặt;

- Đối với xã hội số: Đạt tỷ lệ có điện thoại thông minh, có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng, hộ gia đình được phủ mạng Internet, người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản, dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.

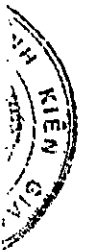
d) Đối với các doanh nghiệp; các hợp tác xã

- Có xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua "Thực hiện chương trình Chuyển đổi số" giai đoạn 2022-2025 phù hợp với ngành, lĩnh vực;

- Sử dụng nền tảng số; sử dụng hợp đồng và hóa đơn điện tử; không dùng tiền mặt thanh toán;

- Đóng góp kinh phí, cơ sở, vật chất thực hiện Chuyển đổi số được địa phương, đơn vị ghi nhận.

đ) Đối với các cơ sở y tế; các trường học





- Có xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua "Thực hiện chương trình Chuyển đổi số" giai đoạn 2022-2025 phù hợp với ngành, lĩnh vực;

- Sử dụng nền tảng số; thanh toán viện phí, học phí không dùng tiền mặt; thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử đối với bệnh nhân; dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa;

- Thực hiện mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đối với các cơ sở giáo dục.

e) Đối với cá nhân

- Cán bộ, công chức, viên chức có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền công nhận; đề xuất biện pháp hiệu quả và tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách nhằm hướng dẫn hoặc tháo gỡ khó khăn cho cơ sở góp phần đưa xã, huyện, thành phố hoàn thành vượt mức các mục tiêu Chuyển đổi số;

- Người lao động (nông dân, công nhân,...), thành viên hợp tác xã tích cực hưởng ứng, tham gia phong trào thi đua với những việc làm thiết thực (đóng góp tiền của, công sức,...) hoặc có mô hình hay, cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, có phát minh, sáng chế trong lao động, sản xuất góp phần vào Chuyển đổi số.

g) Đối tượng khác: Các doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, các gia đình, các cá nhân ở trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài... có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, vật chất cho chương trình Chuyển đổi số.

4. Thời gian và tiến độ thực hiện

Phong trào thi đua được triển khai thực hiện từ năm 2022 đến năm 2025, cụ thể như sau:

- Sở Nội vụ (Ban TĐKT) trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức phát động thực hiện phong trào thi đua "Kiên Giang thực hiện chương trình Chuyển đổi số" giai đoạn 2022-2025, hoàn thành trong quý III năm 2022.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã,... xây dựng Kế hoạch phát động Phong trào thi đua và đăng ký gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, hoàn thành trong quý IV năm 2022.

- Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm phong trào thi đua vào quý IV năm 2023.

- Tổ chức tổng kết phong trào thi đua vào quý IV năm 2025.

## V. THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG HỒ SƠ; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ VÀ KINH PHÍ KHEN THƯỞNG

### 1. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị khen thưởng của cấp trình khen (kèm danh sách);

b) Biên bản họp Hội đồng TĐKT hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu không có Hội đồng TĐKT) của cấp trình khen thưởng;



c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo quy định.

## 2. Số lượng hồ sơ

a) Huân chương Lao động: 03 bộ.

b) Bằng khen Thủ tướng Chính phủ: 02 bộ.

c) Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh: 01 bộ.

## 3. Trình tự và thủ tục xét khen thưởng

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổng hợp đăng ký thi đua gửi Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ).

b) Trên cơ sở đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh tổng hợp hồ sơ, đối chiếu tiêu chuẩn quy định, thẩm định thành tích. Lập danh sách các trường hợp đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trình UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ).

c) Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, lập Tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

## 4. Kinh phí và mức khen thưởng

Mức khen thưởng và nguồn kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hiện hành.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị triển khai quán triệt Kế hoạch này tới Nhân dân, đồng thời căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ và đối tượng cụ thể để xây dựng kế hoạch thực hiện và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phù hợp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong quyết tâm triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua; hàng năm báo cáo tình hình tổ chức thực hiện phong trào thi đua về Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh (Phòng Viễn thông và Công nghệ thông tin) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các cấp, các ngành và các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu văn bản hướng dẫn định mức đóng góp thực hiện Chuyển đổi số làm cơ sở xét các hình thức khen thưởng. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc, những đơn vị hoàn thành mục tiêu thi đua theo từng giai đoạn; phối hợp với các ngành, địa phương giới thiệu, nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay, điển hình tiên tiến; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh tổng hợp báo cáo UBND

tinh kết quả thực hiện phong trào thi đua hàng năm, sơ kết, tổng kết; tổ chức trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh về chương trình Chuyển đổi số.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số và các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, lựa chọn đảm nhận những nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của đoàn viên, hội viên trong việc thực hiện Chuyển đổi số; gắn với các phong trào, các cuộc vận động khác do các đoàn thể đang triển khai thực hiện, tạo động lực mới cho việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước.

4. Các doanh nghiệp viễn thông và công nghệ thông tin xây dựng kế hoạch thực hiện, chủ động thực hiện Chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

5. Giao Sở Thông tin và Truyền thông là Cơ quan thường trực của phong trào thi đua, chịu trách nhiệm: Chủ động tham mưu tổ chức thực hiện Kế hoạch này, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện phong trào của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Kiên Giang thực hiện chương trình Chuyển đổi số” giai đoạn 2021-2025 của UBND tỉnh Kiên Giang; đề nghị các cơ quan, đơn vị địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị địa phương; Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. / *Trql*

**Nơi nhận:**

- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Ban TĐKT Trung ương (HN, TP.HCM);
- TT. Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- TV Hội đồng TĐKT tỉnh;
- TV Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (Đảng, chính quyền, đoàn thể, hội);
- Ban TĐKT tỉnh (03b);
- Doanh nghiệp thuộc Khối thi đua của tỉnh;
- Các cơ sở y tế; các trường học;
- UBND, HỘTĐKT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, nvthanh (01b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lưu Trung**

